**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

****

**MÔN: CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM**

**BCS – Basic College Students**

**Website tìm và cho thuê trọ dành cho sinh viên**

**Nhóm thực hiện: Nhóm 8**

**Thành viên nhóm** :

1. Trần Đăng Hiếu (Nhóm trưởng)
2. Nguyễn Trí Duy
3. Phạm Đỗ Anh
4. Vũ Quốc Chung
5. Vũ Minh Hiếu
6. Nguyễn Khắc Trung
7. Nguyễn Quang Dũng
8. Trịnh Bùi Duy Nguyên

NV1: Tài liệu kế hoạch dự án

**I. Đề xuất dự án**

**1, Các vấn đề cần giải quyết**

* …
* Tổng kinh phí cho dự án: … VNĐ

**2, Phương pháp giải quyết và các mục tiêu**

* Phương pháp giải quyết
* Mục tiêu

**3, Cách tiếp cận kỹ thuật**

* Các tính năng chính
* Công nghệ áp dụng

**II. Lịch trình dự án**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Công việc chính** | **Mã hoá CV** | **Công việc chi tiết** | **Thành viên thực hiện** | **Công việc trước** | **Thời gian dự kiến (ngày)** |
| 1 | Lập kế hoạch | A | Lập kế hoạch |  | - | 7 |
| 2 | Product Backlog | B | Danh sách yêu cầu phần mềm |  | A | 3 |
| 3 | Sprint 1 | C | Đặc tả yêu cầu |  | B | 2 |
| D | Phân tích thiết kế |  | C | 4 |
| E | Lập trình |  | D | 2 |
| F | Kiểm thử |  | E | 2 |
| 4 | Sprint 2 | G | Đặc tả yêu cầu |  | F | 2 |
| H | Phân tích thiết kế |  | G | 4 |
| I | Lập trình |  | H | 2 |
| J | Kiểm thử |  | I | 2 |

**1, Bảng danh sách các công việc**

**2, Biểu đồ Gantt**

<Hình minh hoạ>

**3, Mạng AOA**

A screenshot of a computer

Description automatically generated

**4, Mạng AON**

A diagram of a flowchart

Description automatically generated

**5, Phương pháp tính đường găng**

A diagram of a diagram

Description automatically generated

Đường găng: Từ đầu tới cuối

Thời gian hoàn thành sớm nhất của dự án là: 30 (ngày)

**III. Quản trị Rủi ro**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên rủi ro** | **Xác suất**  **xảy ra** | **Mức độ**  **tác động** | **Chiến thuật ứng phó** |
| 1 | Bị mất dữ liệu | Cao | Cao | Thường xuyên sao lưu dữ liệu và lưu trữ ở nhiều nơi |
| 2 | Bị tấn công bởi tin tặc | Trung bình | Cao | Sử dụng biện pháp bảo vệ như tường lửa, mã hoá và thường xuyên kiểm tra |
| 3 | Phát sinh lỗi trong quá trình phát triển | Cao | Trung bình | Thường xuyên kiểm tra chất lượng web |
| 4 | Không đáp ứng được yêu cầu về hiệu suất | Trung bình | Cao | Tối ưu hoá mã nguồn, sử dụng các giải pháp lưu trữ hiệu quả |
| 5 | Không đủ nguồn lực để duy trì và cập nhật web | Thấp | Cao | Có kế hoạch nguồn lực cẩn thận và có phương án dự phòng |
| 6 | Khó thu hút được thêm người dùng | Trung bình | Cao | Có chiến lược tiếp thị và quảng cáo hiệu quả để thu hút người dùng |
| 7 | Trang web không tương thích với 1 số trình duyệt hoặc thiết bị | Trung bình | Trung bình | Kiểm tra tính tương thích trên các trình duyệt và thiết bị khác nhau |
| 8 | Người dùng gặp khó khăn trong việc sủ dụng web | Trung bình | Trung bình | Thiết kế giao diện thân thiện với người dùng |
| 9 | Trang web không đáp ứng được tính năng | Trung bình | Cao | Khảo sát người dùng để biết được nhu cầu của họ, cập nhật các tính năng theo yêu cầu và thường xuyên kiểm tra |
| 10 | Không đáp ứng được yêu cầu về tốc độ tải trang | Trung bình | Cao | Tối ưu hoá mã nguồn, sử dụng các giải pháp phân phối hiệu quả |